

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 12/2024/HNGĐ-PT

Ngày 27/6/2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Ông Vũ Duy Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLPT-HN&GD ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng bị kháng cáo về phần con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2024/QĐ - PT ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Công B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt anh B, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn - anh Nguyễn Công B trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình ngày 08/12/2018. Do mối quan hệ hôn nhân với chị H xuất phát từ việc giới thiệu của hai bên gia đình nên quá trình chung sống giữa anh và chị H không có sự gắn bó về tình cảm, tính cách, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải để tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2023, nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Anh và chị Nguyễn Thị H có 1 con chung là Nguyễn Phương Nhật Á, sinh ngày 04/10/2020. Hiện nay, anh đang nuôi con chung và cho con Nhật Ánh theo học tại Trường mầm non B2, toàn bộ học phí và các chi phí khác của con Nhật Ánh do anh chi trả. Anh là người trực tiếp đưa đón con đi học, quá trình học tại trường mầm non B2 được phát triển đầy đủ về thể chất và tâm lý. Hiện nay anh đang làm việc tại Công ty cổ phần Đ thu nhập 25.000.000 đồng - 30.000.000 đồng/tháng và có chỗ ở ổn định là căn hộ thuê tại ngõ 59, V, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội làm chỗ ở cho hai bố con. Ly hôn, anh xin nuôi con Nguyễn Phương N Ánh và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Anh và chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Công B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình ngày 08/12/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoàn thuận và làm việc tại thành phố Hà Nội. Đến tháng 4/2023 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã và bất đồng quan điểm, hai bên đã sống ly thân từ tháng 10/2023. Nay anh B xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Công B.

Chị và anh Nguyễn Công B có 01 con chung là Nguyễn Phương Nhật Á, sinh ngày 04/10/2020. Ly hôn, chị xin nuôi con Nhật Ánh và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị được nuôi con với lý do, khi vợ chồng còn hoà thuận con Nhật Ánh được ông bà ngoại (bố mẹ chị) chăm sóc từ lúc nhỏ đến gần 3 tuổi mới lên ở cùng với chị và anh B. Con Nhật Á là con gái cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn và hiện nay chị là giáo viên công tác tại Trường Đại học T, tiền lương 9.500.000 đồng/tháng, dạy thêm và tham gia làm dự

án của trường, thu nhập hàng tháng trên 20.000.000 đồng/tháng, chị đang ở cùng nhà với anh trai tại số A X, phường D, quận C, thành phố Hà Nội, chị còn được bố mẹ lên giúp đỡ việc chăm sóc con Nhật Ánh giúp chị. Chị không đồng ý để anh B nuôi con vì anh hiện nay anh B luôn cản trở chị trong việc thăm gặp và chăm sóc con chung, bản thân anh B nói với chị là anh B đi ngoại tình và đã có con riêng nên việc nuôi con sẽ ảnh hưởng về đạo đức đối với con chung.

Chị và anh Nguyễn Công B tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản xác minh ngày 19/01/2024, UBND xã Đ cung cấp:* Sau khi kết hôn, anh B và chị H đều sinh sống tại Hà Nội. Cuối năm 2020 và năm 2021 khi dịch bệnh Covid bùng phát, chị H có đưa con gái là cháu Nguyễn Phương N Á về nhà bà Đinh Thị L là mẹ chị H sinh sống, đến khi dịch bệnh Covid ổn định chị H lên Hà Nội đi làm còn cháu Nhật Á để ở nhà ông bà ngoại nuôi dưỡng chăm sóc đến tháng 9/2023 anh B, chị H đưa con lên Hà Nội chăm sóc, nuôi dưỡng....Việc giải quyết nuôi con khi ly hôn đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của cháu Nhật Á, xem xét đến công sức, quá trình chăm sóc cháu Nhật Á của gia đình chị H khi cháu còn bé. Theo quan điểm của địa phương, Toà án xem xét giao con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp đảm bảo quyền lợi cho cháu vì cháu là con gái.

Tại bản án số 14/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Công B1 Nguyễn Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Phương Nhật Á, sinh ngày 04/10/2020. Buộc anh Nguyễn Công B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 5.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2024. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/03/2024, anh B kháng cáo bản án sơ thẩm về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung cho anh trực tiếp nuôi con chung. Anh B không đồng ý việc Tòa án buộc anh phải cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Lý do anh B kháng cáo vì cho rằng việc đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm về điều kiện chỗ ở và mức thu nhập của chị H là chưa khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thì không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh B làm trong hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh B:

[2.1] Về việc nuôi con chung: Anh Nguyễn Công B và chị Nguyễn Thị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là nguyện vọng chính đáng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm anh B và chị H đều đưa ra các lý do để chứng minh điều kiện nuôi con chung. Phía anh B thừa nhận trước khi anh B đưa con về nuôi dưỡng vào tháng 11/ 2023 cháu Nhật Á được bố mẹ chị H (ông bà ngoại) chăm sóc nuôi dưỡng thời gian dài lúc cháu Nhật Á còn nhỏ. Thực tế anh B mới nuôi con chung từ tháng 11/2023 đến ngày 24/3/2024 anh giao con cho chị H chăm sóc với lý do anh ốm như vậy thời gian trực tiếp chăm sóc con chung không phải là dài. Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện mỗi lần chị H đón con anh B bắt chị H viết bản cam kết đón trả con theo giờ thể hiện anh B không hỗ trợ chị H trong việc thăm, chăm sóc con chung để kết nối tình cảm mẹ con. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm,

cháu Nhật Á mới được hơn 3 tuổi, cháu Nhật Á lại là con gái cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Về chỗ ở, tuy chị H chưa cung cấp được bản sao có công chứng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bố mẹ chị H có văn bản trình bày, nhà đất tại số A X, phường D, quận C, thành phố Hà Nội ông bà mua cho anh trai chị H và chị H ở nên có đủ cơ sở xác định chị H có chỗ ở ổn định. Hiện tại chị H là giáo viên có thu nhập hàng tháng và chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.2] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B trình bày thu nhập trung bình của anh B từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/tháng, như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc anh B cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng là đã xem xét toàn diện về điều kiện ăn ở là đảm bảo quyền lợi cho cháu Nhật Á.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy yêu cầu kháng cáo của anh B không có cơ sở, vì vậy không chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh B không được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Công B; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2024 /HNGĐ-ST ngày 13 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Phương Nhật Á, sinh ngày 04/10/2020. Buộc anh Nguyễn Công B cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Công B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh B đã nộp tại biên lai số 0003154 ngày 05/4/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình thành tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/6/2024.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Thi hành án huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Đô Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng